

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **201/2025/HNGĐ-ST**;
Ngày: 29/4/2025.
V/v *tranh chấp* “Xin ly hôn, tranh
chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phúc Viễn;
- Ông Nguyễn Quốc Thuần;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Thành Khánh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 562/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Hoàng L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp ĐH, xã TĐ, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp HT, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Anh L có đơn đề nghị vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Võ Hoàng L trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì P sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã. Anh chị không còn sống chung từ năm 2021. Nay không còn tình cảm nên anh xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Võ Thị Kim N sinh ngày 07/4/1999 và Võ Tấn P sinh ngày 11/7/2008. Khi ly hôn anh xin nhường quyền nuôi dưỡng cháu P cho chị T, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Chị thống nhất với anh L về thời gian kết hôn và ly thân. Chị và anh L không còn tình cảm, không thể hàn gắn, nhưng do anh chị chưa thỏa thuận được vấn đề tài sản nên chị không đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Võ Thị Kim N sinh ngày 07/4/1999 và Võ Tấn P sinh ngày 11/7/2008 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị xin được quyền nuôi dưỡng cháu P, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Anh chị có căn nhà xây trên đất cha chồng cho. Chị yêu cầu chia đôi tài sản chung. Chị sẽ có đơn khởi kiện chia tài sản chung nộp cho Tòa án sau.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị T vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, trừ bị đơn không chấp hành đúng quy định. Về nội dung, yêu cầu ly hôn của anh Võ Hoàng L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: đề nghị giao cháu Võ Tấn P sinh ngày 11/7/2008 cho chị T nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng, cháu Võ Thị Kim N sinh ngày 07/4/1999 đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Võ Hoàng L yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị T cư trú tại ấp HT, xã HĐ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh L có đơn đề nghị vắng mặt ngày 14/4/2025, bị đơn chị T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh L và chị T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Anh L và chị T cưới nhau năm 1998, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Đông, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L xin ly hôn với chị T do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã, không hàn gắn được nên anh chị không còn sống chung từ năm 2021. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn, chị không còn tình cảm với anh L, không thể hàn gắn, nhưng do anh chị chưa thỏa thuận được vấn đề tài sản nên chị không đồng ý ly hôn với anh L. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị T đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Võ Thị Kim N sinh ngày 07/4/1999 và Võ Tấn P sinh ngày 11/7/2008. Khi ly hôn anh L xin nhường quyền nuôi cháu P cho chị T, chị T cũng yêu cầu được nuôi cháu P. Xét yêu cầu được nuôi con của chị T là có cơ sở, vì cháu P đang sống với chị T đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P muốn được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Cháu N đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, anh L trình bày tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thực tế, quy định của pháp luật và chị T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị T không cung cấp tài liệu chứng minh và cũng không có yêu cầu cụ thể nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Hoàng L.

Về hôn nhân: Anh Võ Hoàng L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Tấn P sinh ngày 11/7/2008 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Hoàng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Tấn P mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Ngọc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Anh Võ Hoàng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0008271 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên anh L còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan T Uyên